

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 63/2019/HS-ST

Ngày: 05/3/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Lê Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 93/2019/TLST-HS, ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Văn S - Sinh 1983.

Nơi ĐKKHTT và Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã Đ, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn K (Đã chết) và bà Lê Thị B, sinh năm 1942; Có vợ là Nguyễn Thị Nh; Có 01 con, sinh năm 2005; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: - Ngày 14/5/2007 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 09/8/2013 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 19/12/2018 đến ngày 25/12/2018 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

Bị hại: Chị Lê Thị U, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phố Q, phường A, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10h30 phút ngày 19/12 /2018, sau khi đổ xăng tại số nhà 37 phố Q, phường A, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa của chị Lê Thị U; S quan sát thấy chị U đi xuống bếp. S nhìn vào phòng khách thấy 01 điện thoại Iphone 7plus 32G màu đen đang sạc pin trên kệ ti vi. Nhìn xung quanh không thấy ai nên S liền đi vào lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên trái và nhanh chóng đi ra. Khi vừa đi ra đến cửa thì bị chị U phát hiện, tri hô hàng xóm bắt S cùng tang vật, bàn giao cho công an phường A lập biên bản phạm tội quả tang theo quy định. Ngoài ra Công an còn thu giữ của S 01 xe mô tô nhãn hiệu DAELIM, màu nâu đỏ BKS 53S7-0676 và 01 điện thoại di động OPPO A33W màu đen đã cũ.

Ngày 21/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H đã định giá, xác định 01 chiếc điện thoại Iphone 7plus 32G trên có giá 6.900.000đ.

Ngày 26/12/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho chị U. Chị U đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Đối với chiếc điện thoại OPPO A33W màu đen là tài sản của Đỗ Văn S, không liên quan đến tội phạm nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã bàn giao cho bà Đỗ Thị Nh là mẹ đẻ của bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAELIM, màu nâu đỏ BKS 53S7-0676 là của anh Đỗ Văn T ở thôn 5, xã Đ, huyện S, tỉnh Thanh Hóa, S mượn của anh T đi, anh T không biết việc S đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh T là phù hợp.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại cáo trạng số 81/CT-VKS, ngày 30/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Đỗ Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn S mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng sự khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đỗ Văn S thừa nhận: Lợi dụng sơ hở của gia đình chị Lê Thị U ở phường A; Khoảng 10h30 phút ngày 19/12 /2018, Đỗ Văn S đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 7plus 32G có giá trị 6.900.000đ.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Đỗ Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, không chịu làm ăn chân chính, lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của người khác để trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị đưa vào cơ sở giáo dục nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không chịu tu sửa, vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm trọng xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội, bị cáo bị bắt quả tang, thu giữ tang vật trả lại cho người bị hại, do đó hành vi của bị cáo gây thiệt hại không lớn nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với tính chất vụ án nghiêm trọng, với nhân thân của bị cáo đã từng bị đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền.

[5] Về phần dân sự: Chị U đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Đỗ Văn S 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2018.

Về phần dân sự: Chị U đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14.

Bị cáo Đỗ Văn S phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Cục THA TP H;
- Bị cáo; Bị hại
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Trương Thị Anh

